



dōng fāng

东方

surname · Dongfang; a compound Chinese surname; the East

Example Sentences

tài yáng cóng dōng fāng shēng qǐ
太阳从东方升起。

The sun rises from the east.

cháo xù yìng hóng le dōng fāng de tiān kōng
朝旭映红了东方的天空。

The morning sun reddens the eastern sky

shǔ sè jiàn jiàn rǎn hóng le dōng fāng de tiān kōng
曙色渐渐染红了东方的天空。

The dawn gradually dyed the eastern sky red.

Trace each character, then write the word on your own.

东	东	东	东	东	东	东	东				
方	方	方	方	方	方	方	方				